CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Vĩnh Hoàn

Ngày 30/06/2025	59,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	9.9%	**-1.2%**	**-**

DT thuần
Q2/25
3,192
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 544| 20.6%
YoY: ▼4.00| -0.1%

LN thuần
Q2/25
599
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 352| 142%
YoY: ▲ 213| 55.1%

LN sau thuế
Q2/25
539
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 328| 156%
YoY: ▲ 199| 58.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
19.6%
YoY: +/-▲ 9.3%

ROE (TTM)
Q2/25
15.8%
YoY: +/-▲ 1.5%

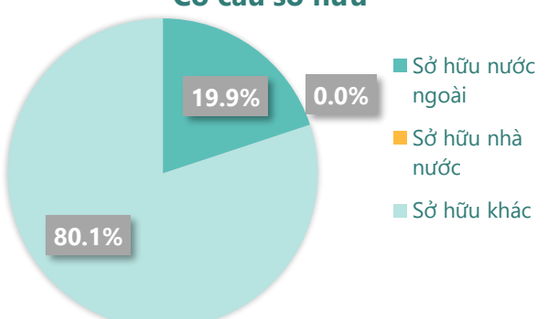
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	42,279 - 71,609
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13,400
Số lượng CPLH (CP)	224,453,159
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,175,135
Sở hữu nước ngoài	19.9%
Beta	1.17
EPS	6,477
P/E	9.2

DT thuần
6T 2025
5,840
tỷ VNĐ
YoY: ▼211| -3.5%

LN thuần
6T 2025
846
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 253| 42.7%

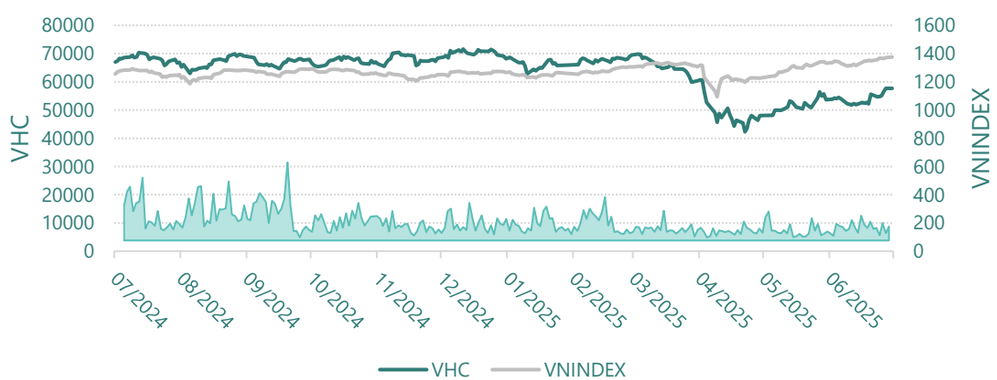
LN sau thuế
6T 2025
751
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 222| 41.9%

Cơ cấu sở hữu

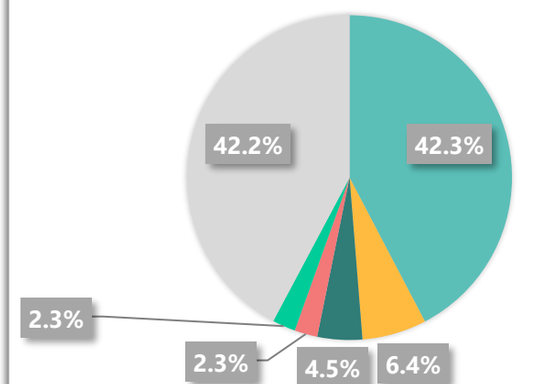


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

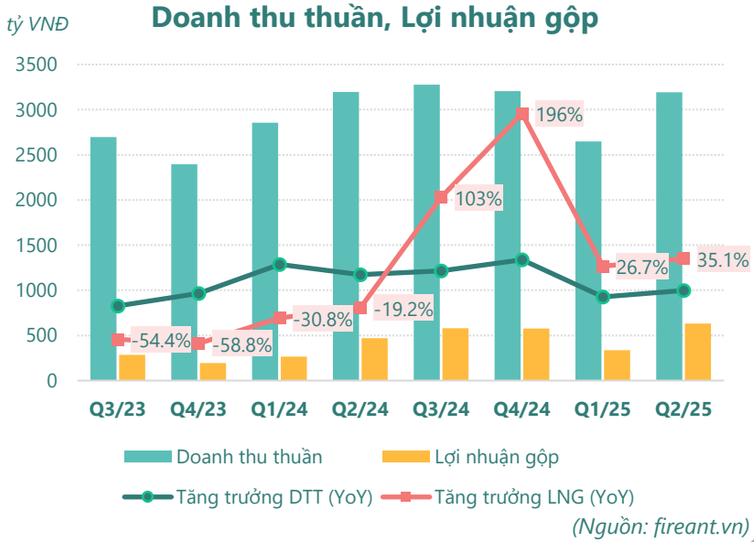


Cơ cấu cổ đông

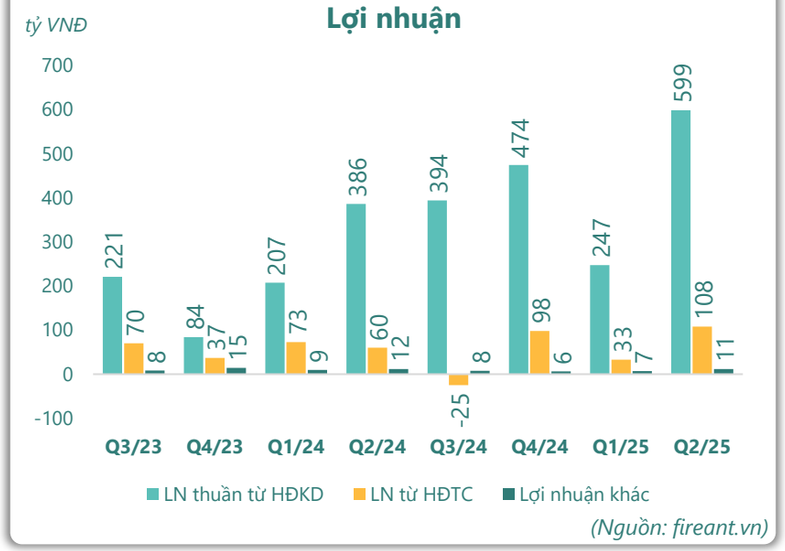


(Nguồn: fireant.vn)

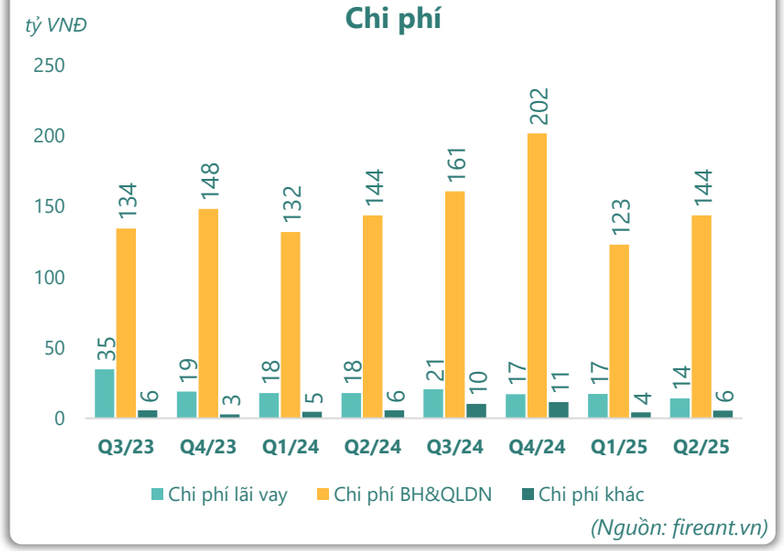
KẾT QUẢ KINH DOANH



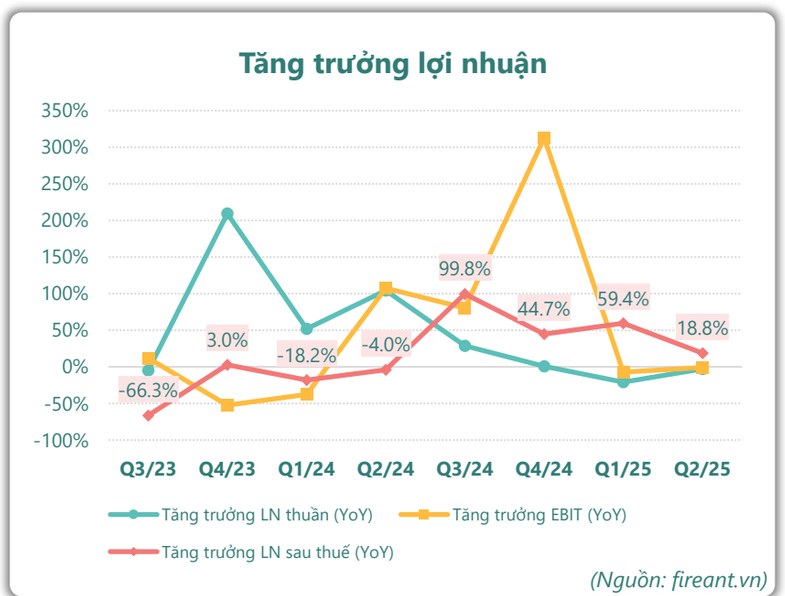
(Nguồn: fireant.vn)



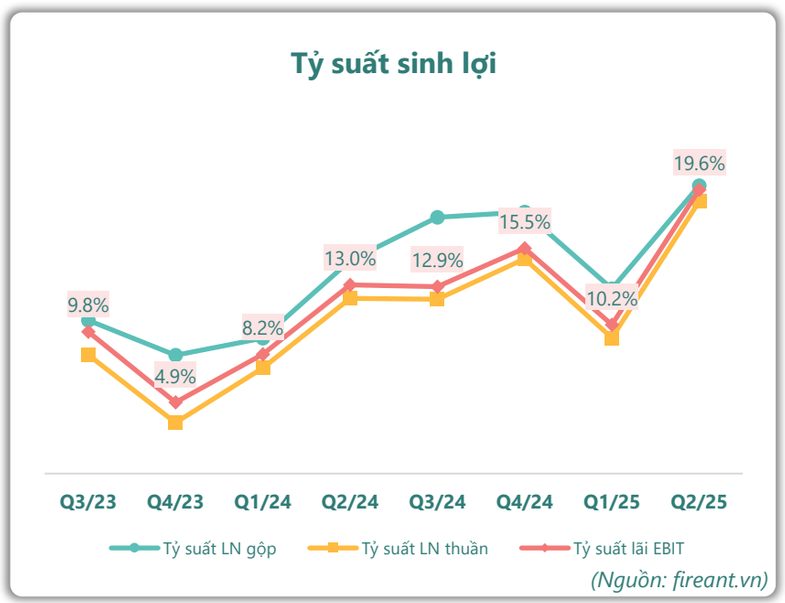
(Nguồn: fireant.vn)



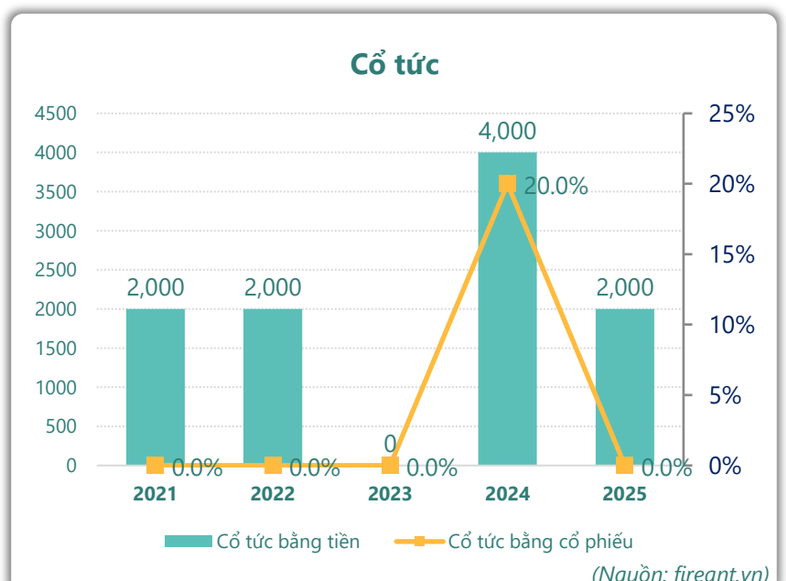
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



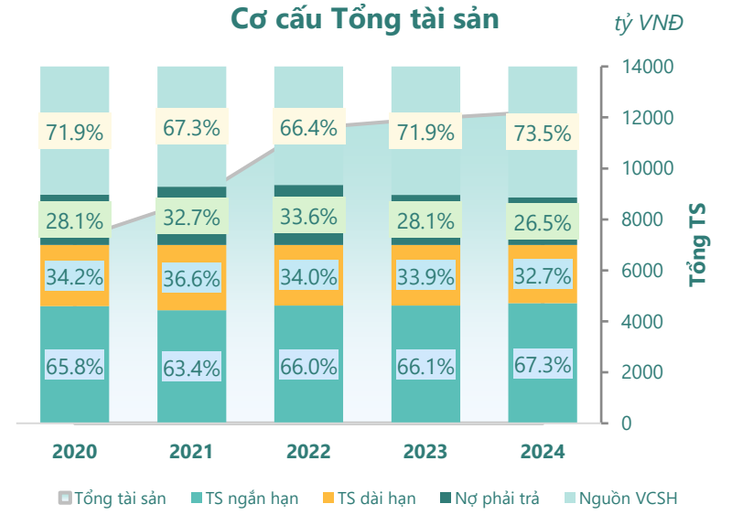
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

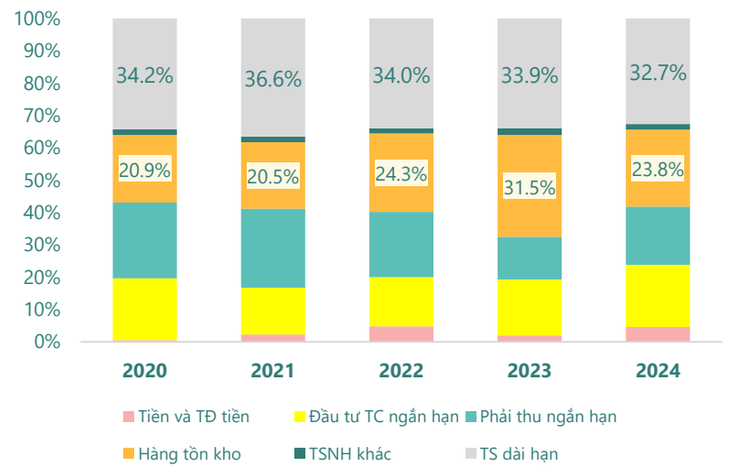
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



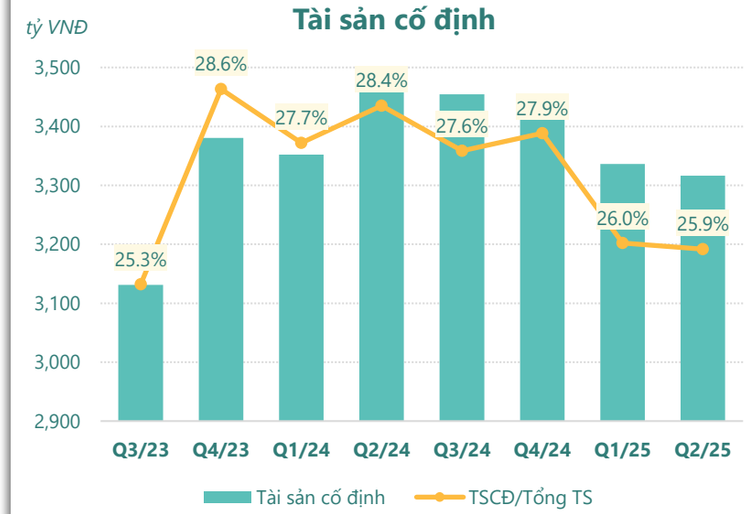
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



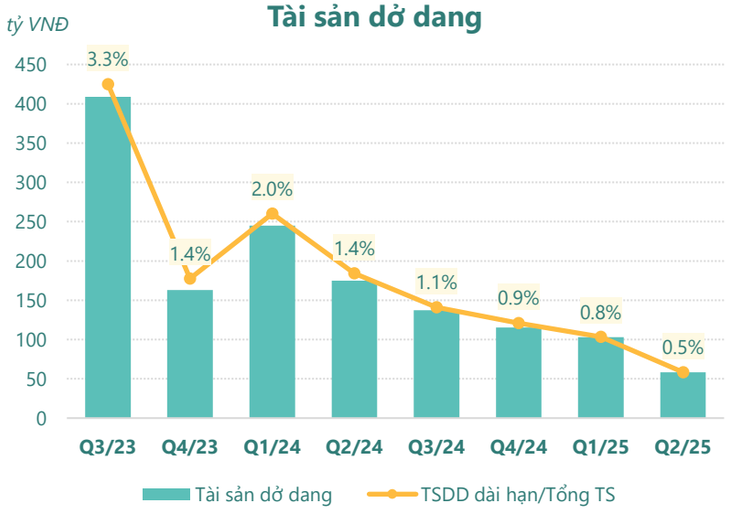
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



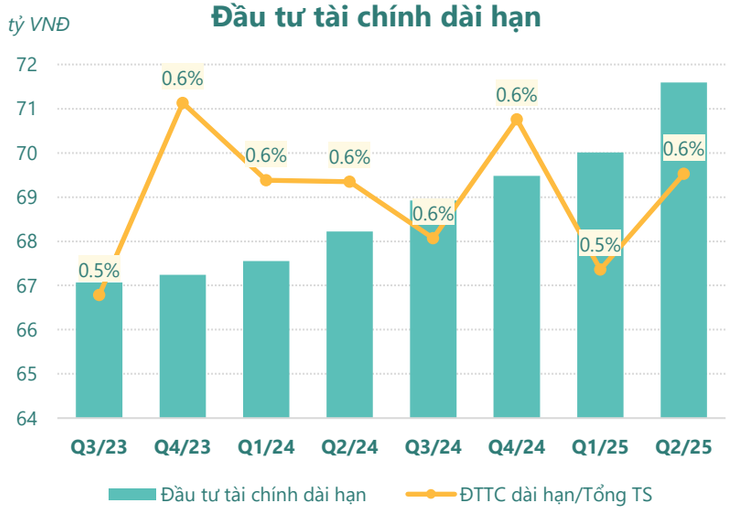
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



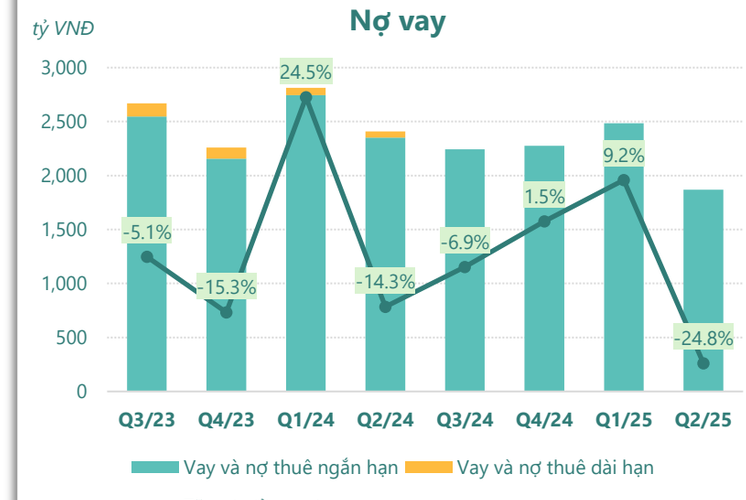
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

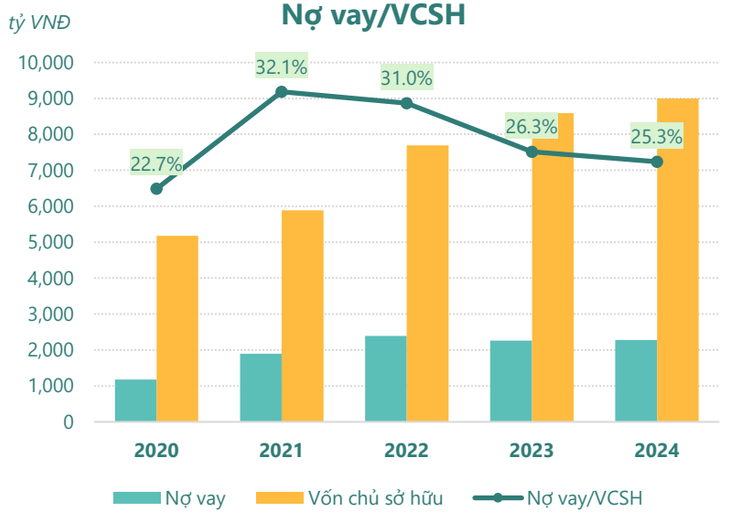
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



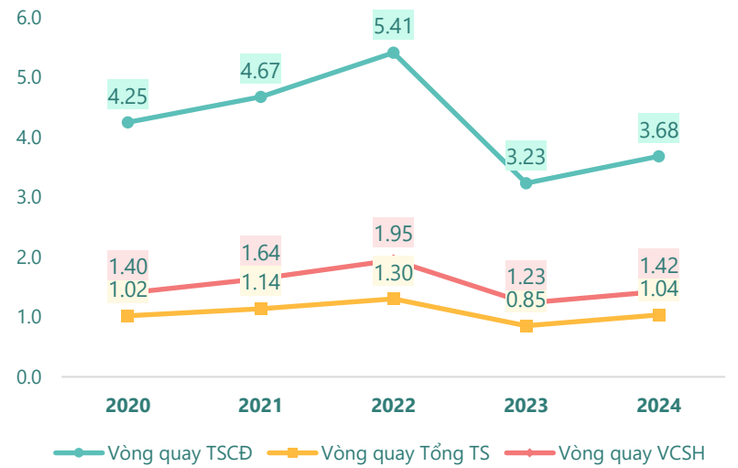
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



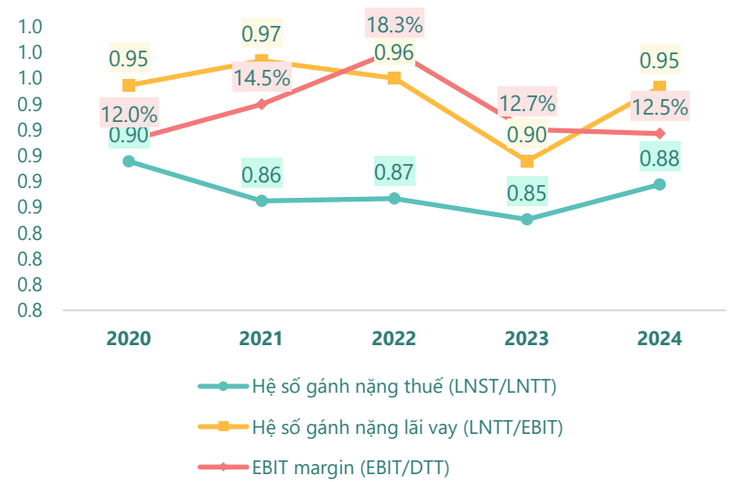
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



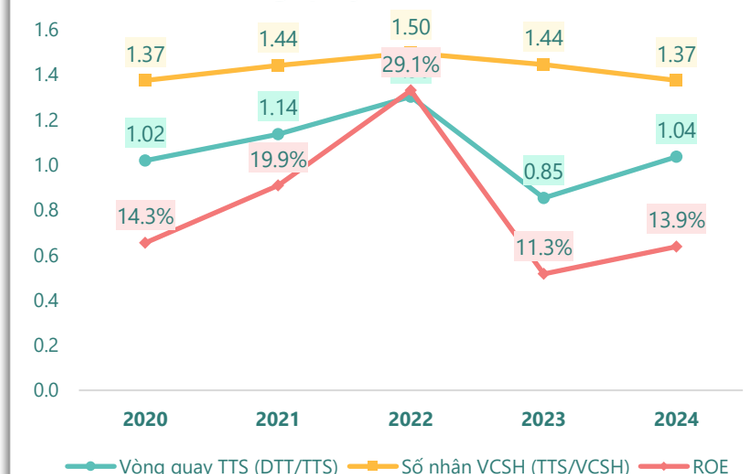
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



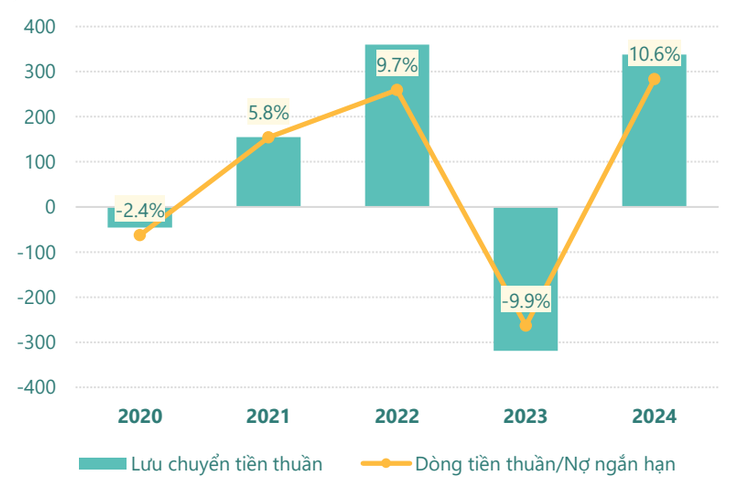
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**3,192**	**3,196**	**-0.1%**	**5,840**	**6,051**	**-3.5%**
Giá vốn hàng bán	2,559	2,727	-6.2%	4,870	5,316	-8.4%
Lợi nhuận gộp	633	469	35.0%	971	735	32.1%
Doanh thu HĐTC	112	117	-4.0%	202	224	-9.8%
Chi phí TC	4.51	56.9	-92.1%	61.6	90.8	-32.2%
Chi phí lãi vay	14.1	17.8	-20.7%	31.4	35.7	-12.1%
LN trong công ty LKLD	**1.58**	**0.67**	**136%**	**2.11**	**0.98**	**116%**
Chi phí bán hàng	62.4	71.0	-12.0%	115	139	-17.2%
Chi phí QLDN	**81.3**	**72.7**	**11.9%**	**152**	**137**	**10.8%**
LN thuần từ HĐKD	599	386	55.1%	846	593	42.7%
Lợi nhuận khác	**11.4**	**11.8**	**-3.4%**	**18.2**	**21.2**	**-14.2%**
LN trước thuế	610	398	53.3%	864	614	40.7%
Lợi nhuận sau thuế	**539**	**340**	**58.6%**	**751**	**529**	**41.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**515**	**318**	**61.9%**	**708**	**488**	**45.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-251	1,153	482	729	241	485
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-432	-248	175	-358	10.2	240
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	554	-852	-199	-414	209	-616
Tiền đầu kỳ	233	100	159	612	570	1,031
Lưu chuyển tiền thuần	**-129**	**52.5**	**457**	**-42.9**	**460**	**110**
Ảnh hưởng tỷ giá	-3.64	5.77	-3.95	1.11	0.66	6.57
Tiền cuối kỳ	100	159	612	570	1,031	1,148

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**12,795**	**12,234**	**4.6%**
Tài sản ngắn hạn	8,733	8,238	6.0%
Tiền và tương đương tiền	1,148	570	101%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,072	2,340	-11.5%
Phải thu ngắn hạn	2,229	2,201	1.3%
Hàng tồn kho	3,086	2,915	5.9%
Tài sản ngắn hạn khác	199	213	-6.6%
Tài sản dài hạn	**4,062**	**3,996**	**1.7%**
Phải thu dài hạn	2.55	1.55	64.7%
Tài sản cố định	3,316	3,415	-2.9%
Bất động sản đầu tư	240	0	
Tài sản dở dang	58.1	109	-46.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	71.6	69.5	3.0%
Tài sản dài hạn khác	**201**	**210**	**-4.3%**
Lợi thế thương mại	173	190	-9.2%
Nợ phải trả	3,085	3,241	-4.8%
Nợ ngắn hạn	**3,037**	**3,184**	**-4.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,870	2,277	-17.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	343	278	23.6%
Nợ dài hạn	48.9	56.9	-14.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**9,710**	**8,994**	**8.0%**
Vốn chủ sở hữu	**9,710**	**8,994**	**8.0%**
Vốn điều lệ	2,245	2,245	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)